TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ML** **TỈNH SL**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2023/HNGĐ-ST
Ngày 15-12-2023
V/v: Ly hôn giữa chị T và anh T.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ML, TỈNH SL

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Minh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1 – Ông Quàng Văn Mầng.

2 – Ông Lò Văn Khẹt.

- Thư ký phiên toà: Bà Đinh Thị Trà My – Thư ký Tòa án nhân dân huyện ML, tỉnh SL.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ML tham gia phiên tòa: Ông Ông Lường Văn Hoan - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện ML, tỉnh SL, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 29/2023/TLST-HNGĐ ngày 13/11/2023 về việc: Tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị LTT, sinh 1994, trú tại: Bản L, xã CL, huyện ML, tỉnh SL. Có đề nghị xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh LTT, sinh 1989, trú tại: Bản L, xã CL, huyện ML, tỉnh SL. Có đề nghị xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 13/11/2023 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị LTT trình bày:

Chị và anh LTT kết hôn trên cơ sở tự nguyện, ngày 07/12/2012 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã CL, huyện ML, tỉnh SL. Cuộc sống chung hạnh phúc đến năm 2023 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do hai người không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Từ đó hai người sống không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Chị LTT xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu được ly hôn anh LTT.

Về con chung: Có hai con là LTNL, sinh ngày 23/5/2015 và LTĐ, sinh ngày 06/7/2017, chị có nguyện vọng nuôi một con và tùy nguyện vọng của con, nếu các con ở với bố, chị nhất trí để anh LTT nuôi con và không đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000, đồng.

Về tài sản chung, riêng, nợ: Đều không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh LTT trình bày: Anh xác nhận quan hệ hôn nhân giữa chị LTT với anh LTT. Công nhận nguyên nhân mâu thuẫn như lời khai của nguyên đơn chị LTT. Nay xác định mâu thuẫn vợ chồng có thể đoàn tụ, anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có hai con là LTNL, sinh ngày 23/5/2015 và LTĐ, sinh ngày 06/7/2017. Anh LTT có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi con và yêu cầu chị LTT cấp dưỡng nuôi con LTĐ là 3.000.000, đồng một tháng.

Về tài sản chung, riêng, nợ: Đều không có và không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Việc áp dụng pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng quy định.

Về nội dung:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về Án phí, Lệ phí Toà án:

Có căn cứ xử cho chị LTT được ly hôn anh LTT.

Về con chung: Giao cho anh LTT trực tiếp nuôi con LTNL, sinh ngày 23/5/2015 và LTĐ, sinh ngày 06/7/2017. Chị LTT cấp dưỡng nuôi con LTĐ mỗi tháng 900.000, đồng (chín trăm nghìn đồng). Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 01 năm 2024 đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, riêng, nợ chung: Đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị LTT phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí cấp dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà và các quy định của pháp luật. Tòa án phân tích, đánh giá, nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị LTT, bị đơn anh LTT đều có đơn đề nghị xử vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ theo quy định Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự có đủ căn cứ xử vắng mặt hai đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị LTT và anh LTT có đăng ký kết hôn, có tìm hiểu, tự nguyện là đúng pháp luật. Cuộc sống chung hoà thuận thời gian đầu,

mâu thuẫn vợ chồng chủ yếu do hai người bất đồng quan điểm sống. Hai người sống ly thân từ đầu năm 2023 đến nay không quan tâm đến cuộc sống của nhau, xét mâu thuẫn vợ chồng không khắc phục được là có căn cứ.

Xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng chị LTT và anh LTT đã được gia đình và chính quyền khuyên giải, đã kéo dài, trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nay chị LTT yêu cầu được ly hôn là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình. Cần chấp nhận xử cho chị LTT được ly hôn anh LTT.

[3] Về con chung: Có hai con là LTNL, sinh ngày 23/5/2015 và LTĐ, sinh ngày 06/7/2017. Hiện nay hai cháu đang ở với anh LTT, nguyện vọng anh LTT xin được nuôi con và căn cứ vào nguyện vọng của con muốn ở với bố. Cần giao con cho anh LTT là người trực tiếp nuôi dưỡng hai con.

Về cấp dưỡng: Anh LTT yêu cầu chị LTT cấp dưỡng nuôi con LTĐ mỗi tháng 3.000.000, đồng. Căn cứ vào khả năng kinh tế của chị LTT. Chị LTT không nhất trí cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000, đồng. Do người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con một phần, do đó có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu của anh LTT, buộc chị LTT phải cấp dưỡng nuôi con chung là 900.000, đồng một tháng, theo quy định của các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về tài sản chung, riêng, nợ: Đều không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị LTT đã được giải thích thủ tục miễn án phí, nhưng chị không cần miễn án phí, nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về Án phí, Lệ phí Toà án:

1. Xử cho chị LTT được ly hôn anh LTT.

2. Về con chung: Giao cho anh LTT trực tiếp nuôi con LTNL, sinh ngày 23/5/2015 và LTĐ, sinh ngày 06/7/2017. Chị LTT cấp dưỡng nuôi con LTĐ mỗi tháng 900.000, đồng (chín trăm nghìn đồng). Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 01 năm 2024 đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

3. Về tài sản chung, riêng, nợ chung: Đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị LTT phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000, đồng (ba trăm nghìn đồng) và 300.000, đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001232 ngày 13/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện ML, tỉnh SL. Còn phải nộp tiếp là 300.000, đồng (ba trăm nghìn đồng).

Chị LTT. Anh LTT được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án".

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Nơi nhận:
- TAND tỉnh SL;
- VKSND huyện ML (2);
- Chi cục THADS huyện ML;
- UBND xã CL, huyện ML (để vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự (2);
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

Nguyễn Minh Tuấn